# CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam

FireAnt

| Ngày 31/03/2024 | 9,550 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **-1.5%** | **-9.5%** | **0.5%** |

| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 8,467 - 11,400 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 234 |
| Số lượng CPLH (CP) | 24,460,792 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 2,185 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.1% |
| Beta | 0.02 |
| EPS | 678 |
| P/E | 14.1 |

**DT thuần**
*Q1/24*
**82.3**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼119| -59.0%
YoY: ▲ 12.5| 17.9%

**LN trước thuế**
*Q1/24*
**1.72**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼9.88| -85.2%
YoY: ▲ 1.57| 1047%

**LN sau thuế**
*Q1/24*
**1.37**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼8.83| -86.6%
YoY: ▲ 1.25| 1039%

**ROA**
2023
**2.6%**
+/- YoY: ▼ 0.9%

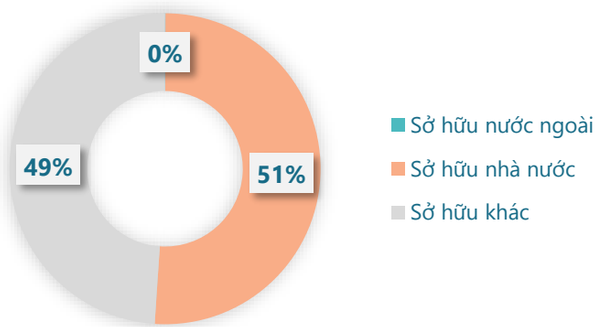
**DT thuần**
*2023*
**530**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼35.0| -6.1%

**LN trước thuế**
*2023*
**18.3**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼6.00| -24.7%

**LN sau thuế**
*2023*
**14.3**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼3.70| -20.7%

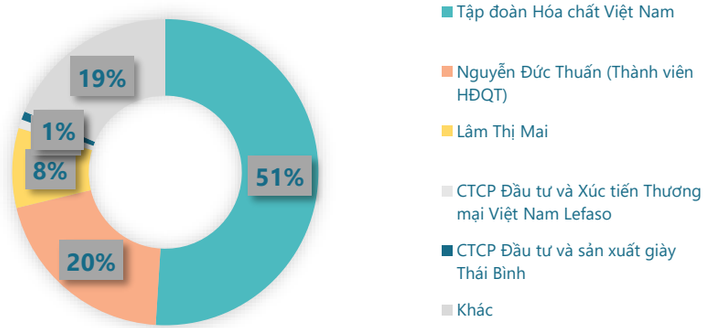
**ROE**
2023
**4.1%**
+/- YoY: ▼ 1.1%

## Cơ cấu sở hữu



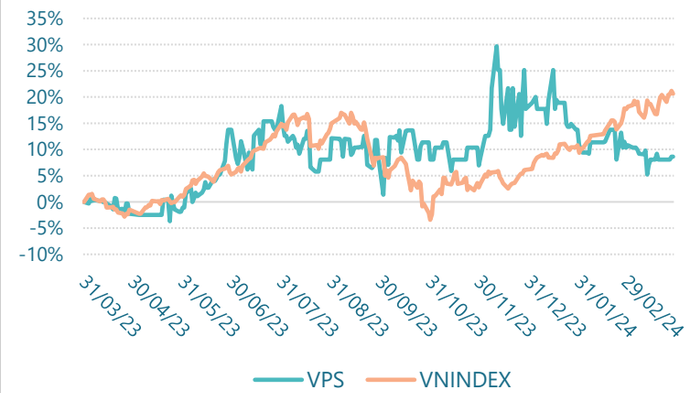

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

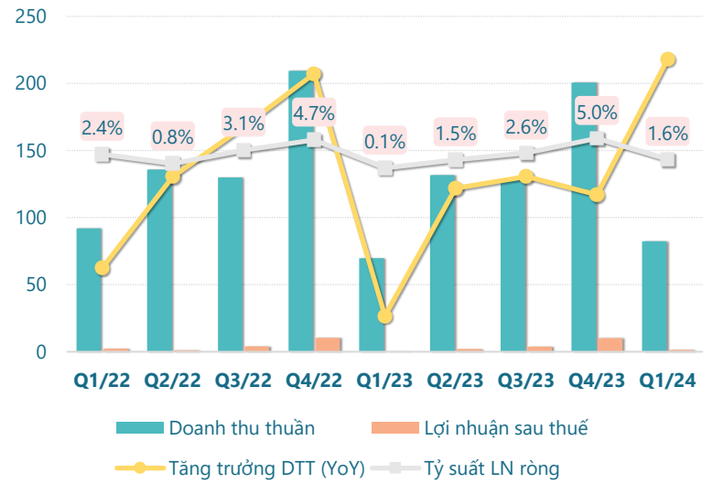
## Tỷ suất lợi nhuận



# CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam

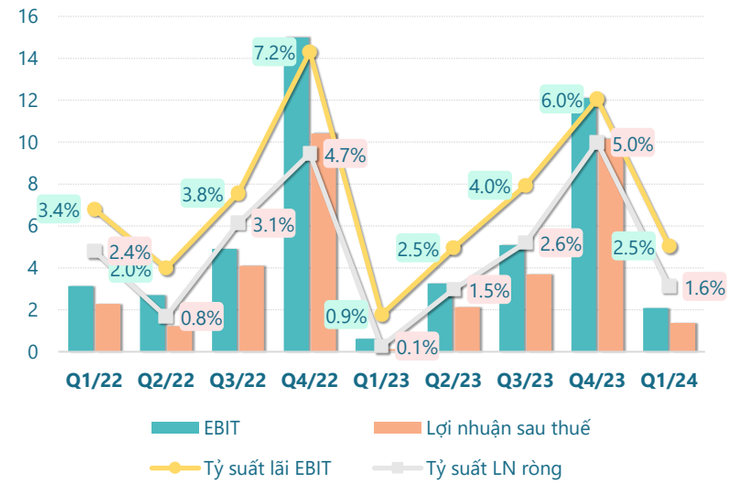
FireAnt

## Kết quả kinh doanh



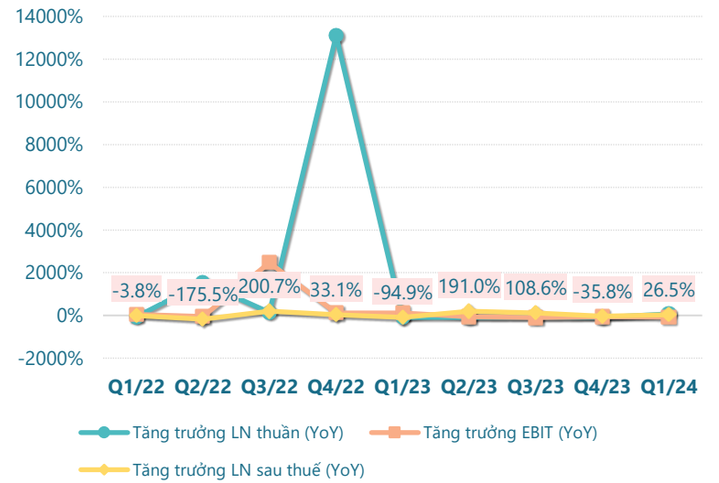

(Nguồn: fireant.vn)

## EBIT - Lợi nhuận sau thuế



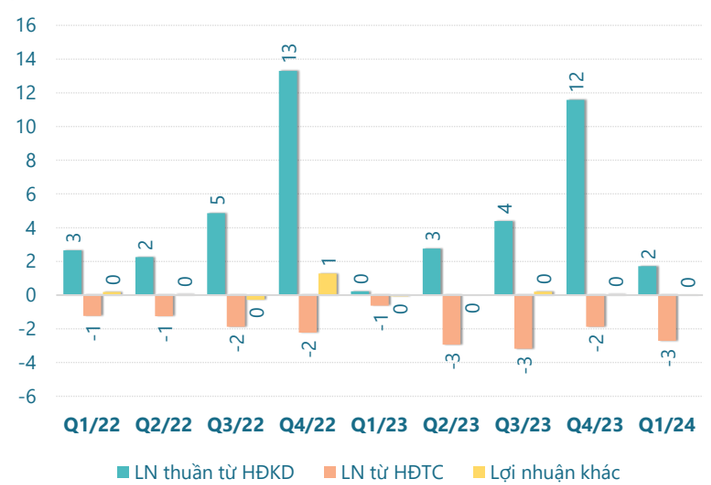

(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng lợi nhuận



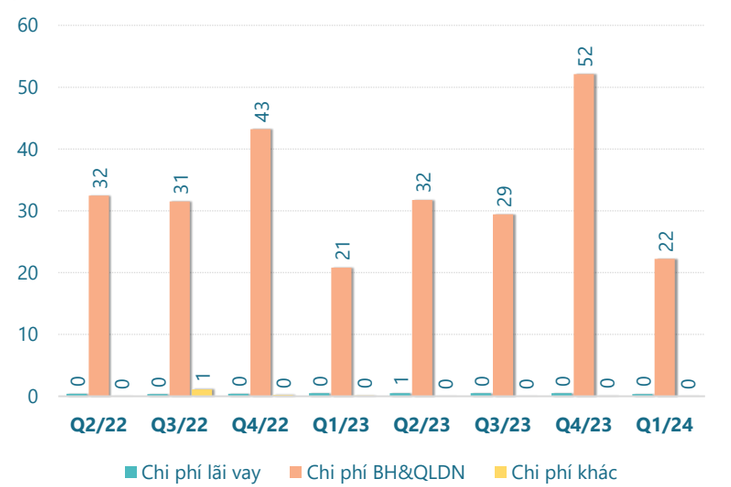

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu lợi nhuận



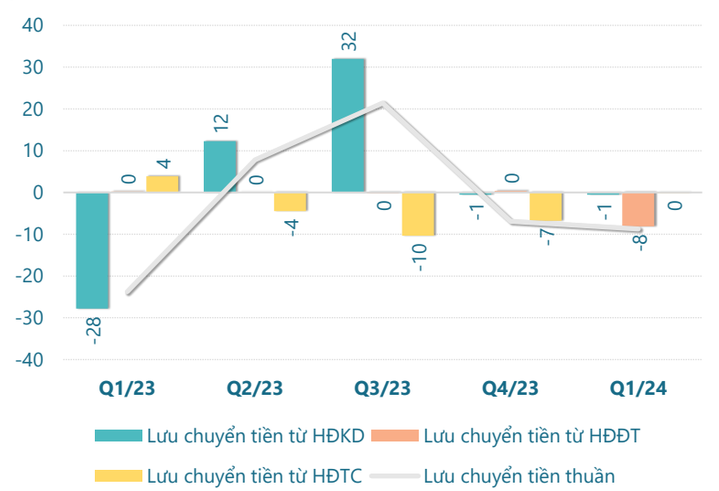

(Nguồn: fireant.vn)

## Cơ cấu chi phí




(Nguồn: fireant.vn)

## Lưu chuyển tiền

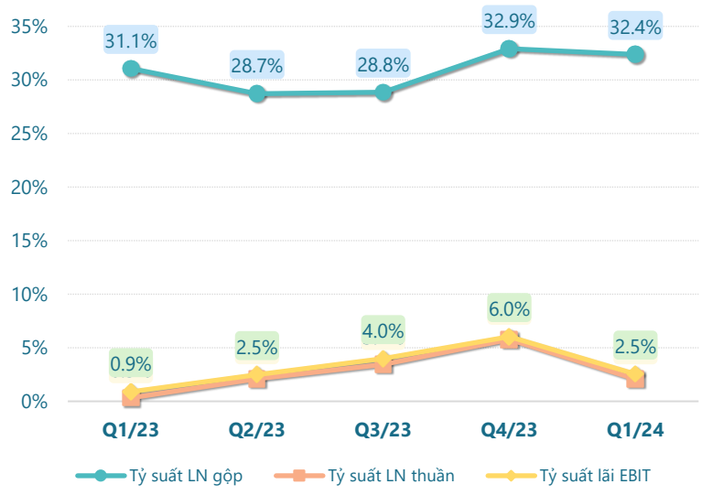



(Nguồn: fireant.vn)

# CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam

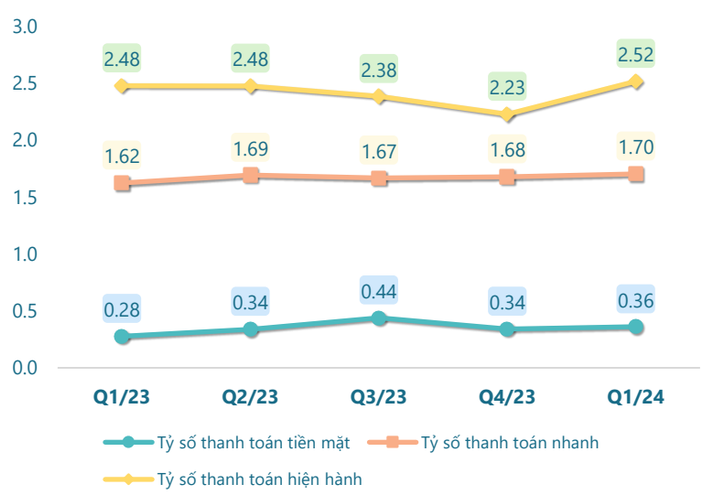
FireAnt

## Tỷ suất lợi nhuận



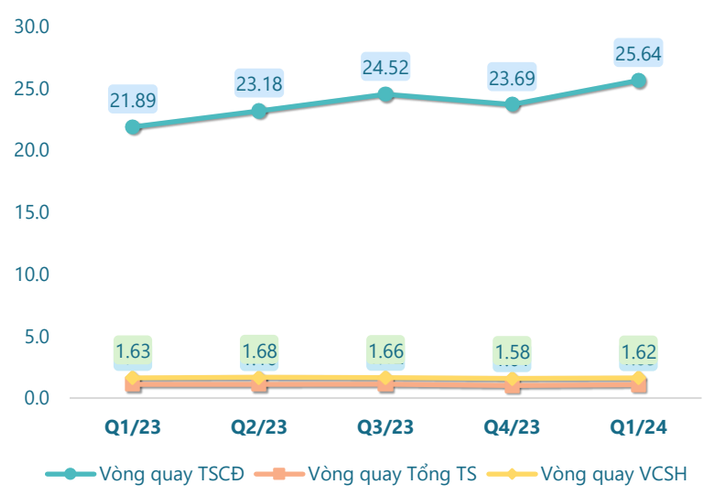

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



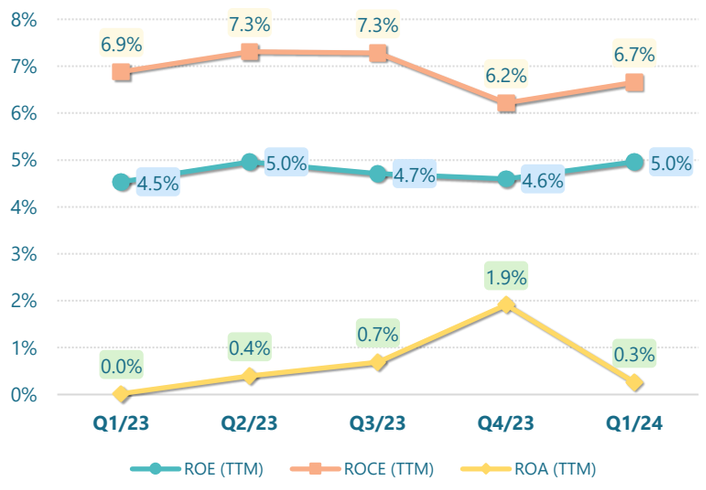

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



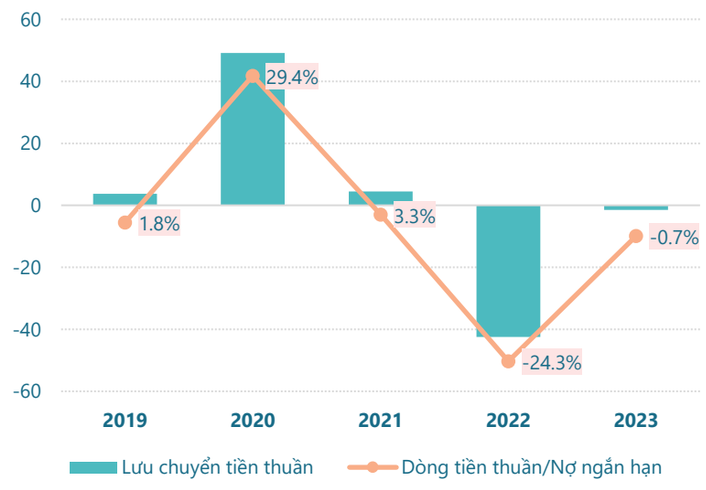

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



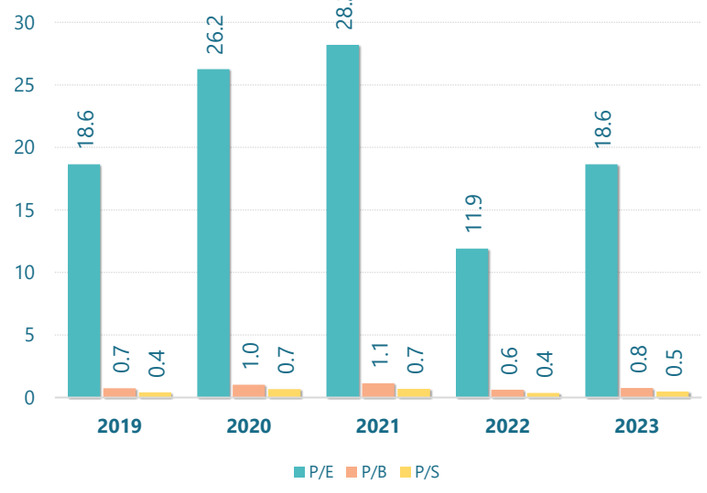

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nhóm chỉ số định giá




*(Nguồn: fireant.vn)*